TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2021
V/v:"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Minh Tấn;
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa*:**
+ Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc:*"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXX-HN ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Thu H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Lê Bá K, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt), bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn Lê Thị Thu H trình bày:

Chị H ở Thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, chị H đến Đà Lạt bán quán ăn cho khách du lịch, gặp và quen nhau với anh Lê Bá K, anh K quê ở thôn L, xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đến Đà Lạt làm nghề chụp ảnh khách du lịch. Hai người kết hôn năm 1996, đăng ký tại xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, sau đó anh K chuyển khẩu từ xã Hành Nhân vào nhập khẩu ở với chị Hiền tại thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân. Vợ chồng tiếp tục đến Đà Lạt làm ăn, do anh K lâm vào cờ bạc nên nợ nhiều, vợ chồng phải trở về quê thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân sống. Chị H mua xe tải cho anh K lái chở hàng cho người ta, nhưng rồi anh K tiếp tục cờ bạc, nợ nhiều nên phải bán xe trả nợ, anh K chuyển qua lái xe thuê cho người ta. Do nợ nhiều nên anh K bỏ nhà, bỏ mẹ con chị H vào miền Nam sống đã hơn 01 năm, không sống chung với chị H nữa. Cách đây 01 tháng anh K có gọi diện thoại về cho chị H và nói chị H cứ làm đơn ly hôn, anh K đồng ý ly hôn vắng mặt. Anh K thay đổi số điện thoại nên chỉ có anh K gọi cho chị H, còn chị H gọi lại anh K không được. Vợ chồng chị H, anh K có 03 con chung tên Lê Hồng L, sinh ngày 17/11/1997 hiện ở Sài Gòn, làm kế toán; Lê Hồng L1, sinh ngày 30/7/2005, cháu đang ở với chị H, cháu học lớp 10 trường Hoài Ân; Lê Bá G, sinh ngày 07/6/2010, cháu đang ở với chị H, cháu học lớp 5 trường Tiểu học Ân Đức. Lý do mà chị H xin ly hôn anh K là vì anh K cờ bạc, nợ nhiều, rồi tự bỏ nhà đi không sống với chị H nữa nên chị H xác định không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Chị H yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn anh Lê Bá K, chị H yêu cầu nuôi 02 con chung (L1, G), tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Về tài sản chung, chị H không yêu cầu giải quyết. Khi Tòa án thụ lý vụ án, con gái lớn (Lê Hồng L) ở Sài Gòn biết do chị H nói, cháu L có liên lạc với anh K nói nên anh K biết, anh K nói với cháu L là đồng ý việc chị H ly hôn, còn chị H chưa liên lạc với anh K. Do anh K nợ nhiều, xã hội đen tìm anh K nên anh K dấu nơi ở, không cho chị H liên lạc.

- Bên bị đơn, anh Lê Bá K: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm, anh K không đến Tòa án, không có lời khai.

- Lời khai của các con chung: Lê Hồng L1, Lê Bá G đều có nguyện vọng ở với chị H.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về trình tự tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

+ Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao các con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, không giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị H ở thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đăng ký kết hôn với anh Lê Bá K ở thôn L, xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1996, là hôn nhân hợp pháp. Hai người có 03 con chung tên Lê Hồng L, sinh ngày 17/11/1997 hiện ở Sài Gòn, làm kế toán; Lê Hồng L1, sinh ngày 30/7/2005, cháu đang ở với chị H, cháu học lớp 10 trường Hoài Ân; Lê Bá G, sinh ngày 07/6/2010, cháu đang ở với chị H, cháu học lớp 5 trường Tiểu học Ân Đức là thực tế. Do nợ nhiều nên anh K bỏ nhà, bỏ mẹ con chị H vào miền Nam sống đã hơn 01 năm, không sống chung với chị H nữa. Hai người vẫn có liên lạc, nhưng do anh K nợ nhiều nên dấu địa chỉ, không cho chị H số điện thoại ổn định. Theo chị H, việc chị H khởi kiện đến Tòa án xin ly hôn anh K thì anh K có biết thông qua con gái lớn Lê Hồng L. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh K, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Bá K, chị H yêu cầu nuôi 02 con chung (L1, G), tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Về tài sản chung, chị H không yêu cầu giải quyết.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"* quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn anh Lê Bá K không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, chị Lê Thị Thu H:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung đã trên 01 năm nay, nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị H xác định không còn tình cảm với anh K, chị H xin ly hôn anh Lê Bá K là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung Lê Hồng L1, Lê Bá G phù hợp theo nguyện vọng của các cháu; chị H xác định anh K không có mặt tại địa phương nên không có khả năng cấp dưỡng, chị H có thu nhập và tự nguyện không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn, anh Lê Bá K:

- Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm, anh Khâm không đến Tòa án, không có lời khai.

- Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh K không có mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của anh K trước pháp luật; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Phát biểu của Kiểm sát viên: Về trình tự tố tụng, về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh K.

- Về nuôi con chung: Giao các con chung tên Lê Hồng L1, Lê Bá G cho chị H nuôi dưỡng; anh K không cấp dưỡng nuôi con chung; anh K được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị H nộp án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Lê Bá K.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Lê Hồng L1, sinh ngày 30/7/2005; Lê Bá G, sinh ngày 07/6/2010 cho chị H nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con chung; anh K được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn:

Chị Lê Thị Thu H nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001859 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Luu (HSVA).

TM. HỘI DỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vân